

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số:06/2022/DS-ST

Ngày 17 tháng 02 năm 2022

V/v: “*Tranh chấp về phường họ*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA

- Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Thanh Thuần.

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Ông Nguyễn NG Trứ

2, Ông Trương Đức Lâm

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng NG Lâm- Thư ký Tòa án.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa: Ông Ngô Đức Nghiêm- Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/02/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:144/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp về phường họ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-DS ngày 13/01/2022 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị NG- Sinh năm 1980 (Có mặt)

Nơi cư trú: thôn Tiến L, xã Đ Tân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968 (Có mặt)

Ông Nguyễn Văn T1- Sinh năm 1964 (Có mặt)

Nơi cư trú: Đều ở thôn Hoàng L, xã Thanh V, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì nguyên đơn là chị Nguyễn Thị NG trình bày: Giữa chị với bà T ông T1 là chỗ quen biết, chơi với nhau lâu năm, nên vợ chồng bà T ông T1 có rủ chị tham gia chơi phường họ cùng, bà T là trưởng phường, chị Đ ý tham gia chơi hai dây phường cụ thể.

Dây phường thứ nhất: Ngày 10/7/2018 chị tham gia chơi 01 dây phường, chị tham gia 03 suất, mỗi suất 02 triệu Đ/01 tháng, bà Nguyễn Thị T làm trưởng phường.

Dây phường có 20 người chơi, cách thức chơi, những người chơi phải đóng tiền phường cho bà T, quy định đóng vào ngày 10 hàng tháng, người lấy trước phải đóng cho người lấy sau thành 2.500.000 Đ, chị đã đóng cho vợ chồng ông bà T -T1 được 15 suất, tổng số tiền là 90.000.000 Đ, hàng tháng đóng cho bà T, có hai lần đóng cho con gái bà T là Nguyễn Thị Kiều có ký tên, hiện nay phường này dừng L ở suất thứ 15, lý do dừng vì chị có đề suất lấy phường suất thứ 16 nhưng đến ngày lấy thì vợ chồng bà T không giao được tiền phường và có báo L với chị là vợ chồng đi làm ăn xa trên Lạng Sơn và báo là vợ nợ không giao phường.

Dây phường thứ hai: Ngày 25/3/2019 Chị có tham gia chơi 01 dây phường nữa và bà Nguyễn Thị T vẫn là trưởng phường, có 20 người chơi, chị tham gia chơi 01 suất, mỗi suất đóng 2.000.000 Đ và thống nhất đóng vào ngày 25/3 hàng tháng, người lấy trước phải đóng cho người lấy sau là 2.500.000 Đ, chị đóng được 06 suất, tổng số tiền là 12.000.000 Đ, phường này đang chơi thì bà T báo là vợ nợ nên dừng L.

Tổng số tiền chị đóng tiền phường cho bà T là 102.000.000 Đ, sau đó chị có đến gia đình bà T và ông T1 đòi nhiều lần vợ chồng bà T và ông T1 xin khất và xin được trả dần, đã trả cho chị được 7.000.000 Đ. Trong quá trình giải quyết tại tòa án chị có xác định bà T và ông T1 còn nợ chị là 97.000.000 Đ là do chị công nhầm. Nay chị xác định vợ chồng bà T và ông T1 còn nợ chị 95.000.000 Đ và chị yêu cầu vợ chồng là bà T và ông T1 trả cho chị số tiền còn nợ là 95.000.000 Đ, chị không yêu cầu đòi lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Bà và chị NG là chỗ quen biết với nhau và chị NG có tham gia chơi phường do bà là trưởng phường, chị NG có tham gia chơi hai dây phường cụ thể.

Dây phường thứ nhất: Ngày 10/7/2018 chị NG có tham gia chơi phường, Bà là trưởng phường, có 20 người tham gia chơi bao gồm cả chủ, chị NG tham gia chơi 03 suất mỗi suất là 2.000.000 Đ/ 01 tháng, chị NG đã đóng được 15 suất, tương ứng với 90.000.000 Đ, sau đó do có thông tin vợ chồng Bà bị vợ nợ nên phường dừng L.

Dây phường thứ hai: Ngày 25/3/2019 chị NG có tham gia chơi 01 dây phường nữa và bà vẫn là trưởng phường, có 20 người chơi, chị NG tham gia chơi 01 suất, mỗi suất đóng 2.000.000 Đ và thống nhất đóng vào ngày 25/3 hàng tháng, người lấy trước phải đóng cho người lấy sau là 2.500.000 Đ, chị NG đóng được 06 suất, tổng số tiền là 12.000.000 Đ, phường này đang chơi do có thông tin vợ chồng Bà bị vợ nợ nên phường dừng L.

Bà xác định bà NG có đóng tổng số tiền phường cho bà là 102.000.000 Đ.

Bà NG sang đòi gia đình bà tiền nhiều lần, Bà có khất bà NG xin trả dần, bà có trả cho bà NG được 7.000.000 Đ, nay Bà xác định vợ chồng Bà còn nợ bà NG 95.000.000 Đ, nay do điều kiện kinh tế khó khăn Bà xin được trả dần, hàng tháng mỗi tháng là 2.000.000 Đ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Ông và bà T có quan hệ vợ chồng, ông thống nhất với ý kiến trình bày của bà T, ông xác định vợ chồng còn nợ chị NG số tiền phưởng là 95.000.000 Đ bà NG khởi kiện thì ông Đ ý vợ chồng có trách nhiệm trả số tiền còn nợ là 95.000.000 Đ, tuy nhiên do hiện nay kinh tế khó khăn, ông xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 Đ.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội Đ xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội Đ xét xử: Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 288, Điều 357, Điều 398, Điều 400, Điều 401 và Điều 471 của Bộ luật dân sự. Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

+ Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T1 phải liên đới trả chị Nguyễn Thị NG số tiền 95.000.000 Đ (Chín mươi năm triệu Đ)

+ Về án phí: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T1 phải liên đới chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả chị Nguyễn Thị NG số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội Đ xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện ngày 29 tháng 10 năm 2021, của chị Nguyễn Thị NG xác định là quan hệ tranh chấp về phưởng, họ quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Việc nguyên đơn khởi kiện đòi L tiền đã đóng phưởng, họ cho bị đơn là một quan hệ dân sự. Các bên tham gia phưởng, họ có thỏa thuận là một hình thức giao dịch dân sự theo tập quán. Khi quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm, nguyên đơn đã khởi kiện đối với bị đơn trong vụ án, bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang nên Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang giải quyết là phù hợp với quy định tại điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]- Về thời hiệu khởi kiện: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3]- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị NG yêu cầu bà T và ông T1 phải trả cho chị NG số tiền 95.000.000đ (Chín mươi năm triệu Đ) tiền vợ chồng bà T ông T1 còn nợ tiền đóng phưởng của 02 dây phưởng, Thấy rằng:

Theo lời trình bày của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ thì xác định có việc giữa chị NG với bà T xác L giao dịch về tài sản bằng hình thức chơi phường họ với nhau do bà T là chủ phường họ. Chị NG đã nhiều lần đóng tiền họ cho bà T tổng số tiền chị NG đóng cho bà T của hai dây phường là 102.000.000 Đ (Trong đó dây phường thứ nhất chị NG đóng tiền phường là 90.000.000 Đ, và dây phường thứ hai chị NG đóng 12.000.000 Đ) tất cả các lần đóng tiền phường đều có biên bản giao nhận tiền phường, sau đó do chị có yêu cầu bà T giao tiền phường thì bà T lấy lý do là vợ nợ và không giao tiền phường cho chị theo thỏa thuận, chị đã nhiều lần đến gia đình bà T ông T1 yêu cầu trả tiền phường đã đóng, bà T và ông T1 đã trả được 7.000.000 Đ, đến nay còn nợ chị 95.000.000 Đ. Bà T, ông T1 xác định chị NG có tham gia chơi phường như chị NG trình bày là đúng, và xác định hiện nay còn nợ chị NG 95.000.000 Đ chị NG yêu cầu trả số tiền trên thì vợ chồng ông bà Đ ý trả, nhưng do điều kiện khó khăn ông bà xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 Đ. Như vậy chị NG yêu cầu bà T và ông T1 phải thanh toán tiền phường còn nợ là 95.000.000 Đ là có căn cứ và được chấp nhận.

[5]- Về án phí: Áp dụng Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Hoàn trả chị Nguyễn Thị NG số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 288, Điều 357, Điều 398, Điều 400, Điều 401 và Điều 471 của Bộ luật dân sự. Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị NG.

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T1 phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả cho bà Nguyễn Thị NG số tiền phường họ còn nợ là 95.000.000 Đ (Chín mươi năm triệu Đ).

Về án phí: bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T1 phải chịu 4.750.000 Đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị NG không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị NG số tiền 2.550.000Đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007659, ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án;
- Lưu.

T/M HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Ngô Thanh Thuần